

TBT

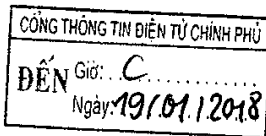
**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1131/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017



**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội khoá XIV: số 49/2017/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2017 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; số 50/2017/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2017 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: số 70/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2017 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; số 131/NQ-CP ngày 6 tháng 12 năm 2017 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2017;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 10440/TTr-BKHĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao 372.035,856 tỷ đồng (ba trăm bảy mươi hai nghìn, không trăm ba mươi năm tỷ, tám trăm lăm mươi sáu triệu đồng) cho các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018 (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) và danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương năm 2018 theo các Phụ lục đính kèm, bao gồm số vốn thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch.

**Điều 2.** Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ tổng số kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018, danh mục dự án quy định tại Điều 1

Quyết định này:

1. Giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tổng mức vốn bù lãi suất tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng chính sách xã hội, vốn điều lệ.

b) Giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước tổng số vốn: chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án phân theo ngành, lĩnh vực, chương trình và mức vốn từng dự án cụ thể.

c) Giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng số vốn ngân sách nhà nước, số vốn ngân sách trung ương bổ sung theo từng chương trình mục tiêu và mức vốn ngân sách trung ương bố trí cho từng dự án cụ thể.

d) Số vốn thanh toán nợ động xây dựng cơ bản; số vốn thu hồi các khoản vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của từng dự án theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

đ) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án.

2. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các Bộ, ngành trung ương và địa phương giải ngân kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài năm 2018 các dự án sử dụng vốn nước ngoài nhưng được quản lý theo cơ chế tài chính trong nước.

3. Thông báo cho các bộ, ngành và địa phương danh mục dự án được giao kế hoạch năm 2018 nhưng chưa điều chỉnh quyết định đầu tư bảo đảm phù hợp với kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 3.** Căn cứ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước và danh mục, mức vốn các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương năm 2018 được giao tại Quyết định này và Quyết định giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Phân bổ vốn bù lãi suất tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách, vốn điều lệ tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này theo đúng quy định của pháp

pháp luật.

2. Thông báo cho các đơn vị danh mục và mức vốn ngân sách trung ương bố trí cho từng dự án theo quy định tại các điểm b và điểm c khoản 1 Điều 2 Quyết định này và gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo quy định.

3. Các Bộ, ngành, địa phương có dự án chưa điều chỉnh quyết định đầu tư theo quy định khẩn trương hoàn thiện phê duyệt điều chỉnh, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30 tháng 6 năm 2018. Sau thời hạn nêu trên nếu Bộ, ngành, địa phương nào không gửi quyết định đầu tư điều chỉnh, giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án xử lý theo quy định.

4. Hoàn trả các khoản vốn ứng trước quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Quyết định này theo-kết quả giải ngân của từng dự án đến hết thời gian quy định. Sau khi trừ số vốn thu hồi theo kết quả giải ngân, số vốn kế hoạch năm 2018 còn lại (nếu có) được tiếp tục thực hiện trong năm 2018 cho dự án đó.

5. Giải ngân kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài (vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) theo kế hoạch được giao tại Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

6. Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018 về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

#### **Điều 4. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch**

##### **1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018.

b) Định kỳ hàng quý báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

##### **2. Bộ Tài chính:**

a) Hướng dẫn và bổ sung kinh phí phát sinh thêm do chênh lệch tỷ giá thực tế với tỷ giá tính dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 của các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, nhà ở của các cơ quan của Việt Nam ở nước ngoài.

b) Định kỳ hàng tháng, hàng quý báo cáo Chính phủ tình hình giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

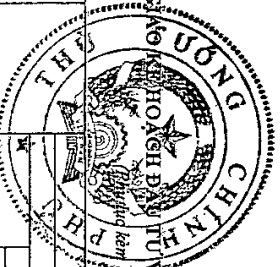
**Điều 6.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Đoàn đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Cổng TTĐT các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). 410



Nguyễn Xuân Phúc



**TỔNG HỢP CÁC VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018 CỦA CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

Phụ lục

Đơn vị: Triệu đồng

| STT |  | Bộ, ngành/địa phương                    | Tổng kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 | Tổng số     | Cán đối ngân sách địa phương                                     |                                 |                  |                              |                                                                   | Trong đó:   |                      |                                              |                             |                | Kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCP) năm 2018 |  |  |  |  |
|-----|--|-----------------------------------------|----------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|----------------------------------------------|-----------------------------|----------------|------------------------------------------------------|--|--|--|--|
|     |  |                                         |                                        |             | Cán đối ngân sách địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức | Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất | Xổ số kiến thiết | Bội chi ngân sách địa phương | Tổng số kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCP) giao năm 2018 | Tổng số     | Vốn trong nước       |                                              |                             | Vốn nước ngoài |                                                      |  |  |  |  |
|     |  |                                         |                                        |             |                                                                  |                                 |                  |                              |                                                                   |             | Trái phiếu Chính phủ | Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng | Thu hồi các khoản ứng trước |                | Thanh toán nợ XDCB                                   |  |  |  |  |
|     |  |                                         |                                        |             |                                                                  |                                 |                  |                              |                                                                   |             |                      |                                              |                             |                |                                                      |  |  |  |  |
|     |  | TỔNG SỐ                                 | 372.035.856                            | 212.700.000 | 93.550.300                                                       | 80.900.000                      | 27.100.000       | 11.149.700                   | 160.385.856                                                       | 107.817.449 | 41.425.420           | 8.035.723                                    | 8.343.232                   | 813.105        | 52.568.407                                           |  |  |  |  |
| 1   |  | Bộ, ngành trung ương                    | 80.351.215                             |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 81.401.215                                                        | 53.648.578  | 15.173.115           |                                              | 4.694.651                   | 338.497        | 27.752.637                                           |  |  |  |  |
| 1   |  | Văn phòng Quốc hội                      | 93.000                                 |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 93.000                                                            | 93.000      |                      |                                              |                             |                |                                                      |  |  |  |  |
| 2   |  | Văn phòng Trung ương Đảng               | 232.000                                |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 232.000                                                           | 232.000     |                      |                                              |                             |                |                                                      |  |  |  |  |
| 3   |  | Văn phòng chủ tịch nước                 | 18.270                                 |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 18.270                                                            | 18.270      |                      |                                              |                             |                |                                                      |  |  |  |  |
| 4   |  | Văn phòng Chính phủ                     | 293.000                                |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 293.000                                                           | 293.000     |                      |                                              |                             |                |                                                      |  |  |  |  |
| 5   |  | Tòa án nhân dân tối cao                 | 620.000                                |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 620.000                                                           | 620.000     |                      |                                              |                             |                |                                                      |  |  |  |  |
| 6   |  | Viện kiểm sát nhân dân tối cao          | 584.900                                |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 584.900                                                           | 584.900     |                      |                                              | 17.627                      |                |                                                      |  |  |  |  |
| 7   |  | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh | 57.000                                 |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 57.000                                                            | 57.000      |                      |                                              |                             |                |                                                      |  |  |  |  |
| 8   |  | Bộ Quốc phòng                           | 10.609.500                             |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 11.659.500                                                        | 11.659.500  | 2.977.000            |                                              | 705.600                     |                |                                                      |  |  |  |  |
| 9   |  | Bộ Công an                              | 4.160.353                              |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 4.160.353                                                         | 3.960.353   |                      |                                              | 597.200                     |                | 200.000                                              |  |  |  |  |
| 10  |  | Bộ Ngoại giao                           | 227.768                                |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 227.768                                                           | 227.768     |                      |                                              |                             |                |                                                      |  |  |  |  |
| 11  |  | Bộ Tư pháp                              | 459.000                                |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 459.000                                                           | 459.000     |                      |                                              | 4.600                       |                |                                                      |  |  |  |  |
| 12  |  | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                   | 496.655                                |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 496.655                                                           | 284.000     |                      |                                              |                             |                | 212.655                                              |  |  |  |  |
| 13  |  | Bộ Tài chính                            | 209.000                                |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 209.000                                                           | 209.000     |                      |                                              |                             |                |                                                      |  |  |  |  |
| 14  |  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  | 15.727.553                             |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 15.727.553                                                        | 9.955.000   | 7.655.000            |                                              | 253.956                     |                | 5.772.553                                            |  |  |  |  |

| STT | Bộ, ngành/địa phương                        | Tổng kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 | Căn đối ngân sách địa phương |                                                                  |                                 |                  |                              | Kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCP) năm 2018              |                      |                                              |                             |                    |                |
|-----|---------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------|
|     |                                             |                                        | Tổng số                      | Trong đó:                                                        |                                 |                  |                              | Tổng số kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCP) giao năm 2018 | Trong đó:            |                                              |                             |                    |                |
|     |                                             |                                        |                              | Căn đối ngân sách địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức | Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất | Xổ số kiến thiết | Bội chi ngân sách địa phương |                                                                   | Vốn trong nước       |                                              |                             |                    |                |
|     |                                             |                                        |                              |                                                                  |                                 |                  |                              |                                                                   | Trái phiếu Chính phủ | Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng | Thu hồi các khoản tng trước | Thanh toán nợ XDCB |                |
|     |                                             |                                        |                              |                                                                  |                                 |                  | Tổng số                      |                                                                   |                      |                                              |                             |                    | Vốn nước ngoài |
| 15  | Bộ Công thương                              | 220.065                                |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 220.065                                                           |                      |                                              | 4.938                       |                    |                |
| 16  | Bộ Giao thông vận tải                       | 21.229.532                             |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 21.229.532                                                        | 8.444.115            | 2.586.115                                    |                             | 2.530.530          | 237.982        |
| 17  | Bộ Xây dựng                                 | 291.415                                |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 291.415                                                           | 192.000              |                                              |                             | 17.000             | 19.100         |
| 18  | Bộ Thông tin và Truyền thông                | 118.000                                |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 118.000                                                           | 118.000              |                                              |                             |                    |                |
| 19  | Bộ Khoa học và Công nghệ                    | 242.000                                |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 242.000                                                           | 242.000              |                                              |                             |                    |                |
| 20  | Bộ Giáo dục và Đào tạo                      | 1.356.508                              |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 1.356.508                                                         | 339.000              |                                              |                             |                    | 1.017.508      |
| 21  | Bộ Y tế                                     | 5.260.000                              |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 5.260.000                                                         | 2.610.000            | 1.955.000                                    |                             |                    | 2.650.000      |
| 22  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch             | 750.206                                |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 750.206                                                           | 310.000              |                                              |                             |                    | 440.206        |
| 23  | Bộ Nội vụ                                   | 117.808                                |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 117.808                                                           | 117.808              |                                              | 4.261                       |                    |                |
| 24  | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội         | 316.974                                |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 316.974                                                           | 294.000              |                                              |                             | 4.950              | 22.974         |
| 25  | Bộ Tài nguyên và Môi trường                 | 1.483.000                              |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 1.483.000                                                         | 397.000              |                                              |                             |                    | 1.086.000      |
| 26  | Thanh tra Chính phủ                         | 33.000                                 |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 33.000                                                            | 33.000               |                                              |                             |                    |                |
| 27  | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                 | 671.647                                |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 671.647                                                           | 671.647              |                                              |                             |                    |                |
| 28  | Ủy ban dân tộc                              | 61.000                                 |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 61.000                                                            | 61.000               |                                              |                             |                    |                |
| 29  | Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh       | 82.000                                 |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 82.000                                                            | 82.000               |                                              | 23.981                      |                    |                |
| 30  | Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam       | 63.000                                 |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 63.000                                                            | 63.000               |                                              |                             |                    |                |
| 31  | Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | 1.356.830                              |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 1.356.830                                                         | 210.000              |                                              |                             | 29.871             | 1.146.830      |
| 32  | Thông tấn xã Việt Nam                       | 75.000                                 |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | 75.000                                                            | 75.000               |                                              |                             |                    |                |

| Trong đó:                    |                                                                |                                        |         |                                                                  |                                 |                                                      |                                                                   |           |                              |                      |                                              |                |                             |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|----------------------|----------------------------------------------|----------------|-----------------------------|
| Cần đổi ngân sách địa phương |                                                                |                                        |         |                                                                  |                                 | Kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCP) năm 2018 |                                                                   |           |                              |                      |                                              |                |                             |
| STT                          | Bộ, ngành/địa phương                                           | Tổng kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 | Tổng số | Trong đó:                                                        |                                 |                                                      | Tổng số kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCP) giao năm 2018 | Tổng số   | Vốn trong nước               |                      |                                              | Vốn nước ngoài |                             |
|                              |                                                                |                                        |         | Cần đổi ngân sách địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức | Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất | Xổ số kiến thiết                                     |                                                                   |           | Bồi chi ngân sách địa phương | Trong đó:            |                                              |                |                             |
|                              |                                                                |                                        |         |                                                                  |                                 |                                                      |                                                                   |           |                              | Trải phiếu Chính phủ | Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng |                | Thu hồi các khoản ứng trước |
|                              |                                                                |                                        |         |                                                                  |                                 |                                                      |                                                                   |           |                              |                      |                                              |                |                             |
| 33                           | Đài tiếng nói Việt Nam                                         | 196.000                                |         |                                                                  |                                 |                                                      | 196.000                                                           | 196.000   |                              |                      | 33                                           |                |                             |
| 34                           | Đài Truyền hình Việt Nam                                       | 101.000                                |         |                                                                  |                                 |                                                      | 101.000                                                           | 101.000   |                              |                      |                                              |                |                             |
| 35                           | Kiểm toán Nhà nước                                             | 565.000                                |         |                                                                  |                                 |                                                      | 565.000                                                           | 565.000   |                              |                      | 242.541                                      |                |                             |
| 36                           | UBTW Mặt trận tổ quốc Việt Nam                                 | 49.000                                 |         |                                                                  |                                 |                                                      | 49.000                                                            | 49.000    |                              |                      |                                              |                |                             |
| 37                           | Tổng liên đoàn lao động Việt Nam                               | 101.000                                |         |                                                                  |                                 |                                                      | 101.000                                                           | 101.000   |                              |                      |                                              |                |                             |
| 38                           | Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh                | 136.000                                |         |                                                                  |                                 |                                                      | 136.000                                                           | 136.000   |                              |                      |                                              |                |                             |
| 39                           | Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam                                  | 67.000                                 |         |                                                                  |                                 |                                                      | 67.000                                                            | 67.000    |                              |                      |                                              |                |                             |
| 40                           | Hội nông dân Việt Nam                                          | 92.000                                 |         |                                                                  |                                 |                                                      | 92.000                                                            | 92.000    |                              |                      | 28.465                                       |                |                             |
| 41                           | Hội Cựu chiến binh Việt Nam                                    | 33.350                                 |         |                                                                  |                                 |                                                      | 33.350                                                            | 33.350    |                              |                      |                                              |                |                             |
| 42                           | Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam | 12.000                                 |         |                                                                  |                                 |                                                      | 12.000                                                            | 12.000    |                              |                      |                                              |                |                             |
| 43                           | Hội Nhà văn Việt Nam                                           | 10.000                                 |         |                                                                  |                                 |                                                      | 10.000                                                            | 10.000    |                              |                      |                                              |                |                             |
| 44                           | Hội Nhà báo Việt Nam                                           | 15.000                                 |         |                                                                  |                                 |                                                      | 15.000                                                            | 15.000    |                              |                      |                                              |                |                             |
| 45                           | Hội Chữ thập đỏ Việt Nam                                       | 31.909                                 |         |                                                                  |                                 |                                                      | 31.909                                                            | 31.909    |                              |                      |                                              |                |                             |
| 46                           | Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam                | 28.000                                 |         |                                                                  |                                 |                                                      | 28.000                                                            | 28.000    |                              |                      |                                              |                |                             |
| 47                           | Đại học Quốc gia Hà Nội                                        | 87.000                                 |         |                                                                  |                                 |                                                      | 87.000                                                            | 87.000    |                              |                      |                                              |                |                             |
| 48                           | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh                         | 221.000                                |         |                                                                  |                                 |                                                      | 221.000                                                           | 221.000   |                              |                      |                                              |                |                             |
| 49                           | Ngân hàng Phát triển Việt Nam                                  | 3.365.000                              |         |                                                                  |                                 |                                                      | 3.365.000                                                         | 3.365.000 |                              |                      |                                              |                |                             |

| Trong đó:                                            |                                               |                                        |             |                                                                  |                                 |                  |                              |                                                                   |                      |                                              |                             |                    |                |  |
|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------|--|
| Kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCP) năm 2018 |                                               |                                        |             |                                                                  |                                 |                  |                              |                                                                   |                      |                                              |                             |                    |                |  |
| Cần đổi ngân sách địa phương                         |                                               |                                        |             |                                                                  |                                 |                  |                              |                                                                   |                      |                                              |                             |                    |                |  |
| Trong đó:                                            |                                               |                                        |             |                                                                  |                                 |                  |                              |                                                                   |                      |                                              |                             |                    |                |  |
| STT                                                  | Bộ, ngành/địa phương                          | Tổng kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 | Tổng số     | Cần đổi ngân sách địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức | Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất | Xổ số kiến thiết | Bội chi ngân sách địa phương | Tổng số kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCP) giao năm 2018 | Trong đó:            |                                              |                             |                    | Vốn nước ngoài |  |
|                                                      |                                               |                                        |             |                                                                  |                                 |                  |                              |                                                                   | Trong đó:            |                                              |                             |                    |                |  |
|                                                      |                                               |                                        |             |                                                                  |                                 |                  |                              |                                                                   | Trái phiếu Chính phủ | Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB |                |  |
| 50                                                   | Ngân hàng Chính sách xã hội                   | 5.715.629                              |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 5.715.629                                                         | 4.715.629            | 195.200                                      |                             |                    | 1.000.000      |  |
| 51                                                   | Ban Quản lý Lăng văn hóa các dân tộc Việt Nam | 51.200                                 |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 51.200                                                            | 51.200               |                                              |                             |                    |                |  |
| 52                                                   | Tập đoàn Điện lực Việt Nam                    | 212.000                                |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 212.000                                                           | 212.000              |                                              |                             | 29.975             | 48.000         |  |
| 53                                                   | Liên minh Hợp tác xã Việt Nam                 | 321.000                                |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 321.000                                                           | 321.000              |                                              |                             | 2.015              |                |  |
| 54                                                   | Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam                | 34.064                                 |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 34.064                                                            | 34.064               |                                              |                             |                    |                |  |
| 55                                                   | Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam       | 26.000                                 |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 26.000                                                            | 26.000               |                                              |                             |                    |                |  |
| 56                                                   | Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc         | 1.365.079                              |             |                                                                  |                                 |                  |                              | 1.365.079                                                         | 46.000               |                                              |                             | 35.323             | 1.319.079      |  |
| II                                                   | Địa phương                                    | 291.684.641                            | 212.700.000 | 93.550.300                                                       | 80.900.000                      | 27.100.000       | 11.149.700                   | 78.984.641                                                        | 54.168.871           | 26.252.305                                   | 8.035.723                   | 3.648.581          | 474.608        |  |
|                                                      | Miền núi phía Bắc                             | 31.462.447                             | 13.911.520  | 8.501.920                                                        | 4.930.000                       | 287.500          | 192.100                      | 17.550.927                                                        | 13.453.757           | 8.007.285                                    | 1.463.472                   | 638.769            | 164.411        |  |
| 1                                                    | Hà Giang                                      | 1.982.464                              | 749.970     | 668.970                                                          | 61.000                          | 20.000           |                              | 1.232.494                                                         | 910.700              | 541.300                                      | 16.400                      | 49.576             | 104.863        |  |
| 2                                                    | Tuyên Quang                                   | 1.746.936                              | 713.100     | 517.100                                                          | 176.000                         | 20.000           |                              | 1.033.836                                                         | 791.760              | 523.500                                      | 31.260                      | 38.718             | 242.076        |  |
| 3                                                    | Cao Bằng                                      | 2.308.938                              | 765.680     | 676.680                                                          | 78.000                          | 11.000           |                              | 1.543.258                                                         | 1.236.360            | 794.300                                      | 255.060                     | 21.016             | 306.898        |  |
| 4                                                    | Lạng Sơn                                      | 1.991.134                              | 666.800     | 535.800                                                          | 120.000                         | 11.000           |                              | 1.324.334                                                         | 1.075.420            | 623.600                                      | 122.820                     | 24.681             | 248.914        |  |
| 5                                                    | Lào Cai                                       | 2.786.012                              | 1.358.310   | 678.810                                                          | 600.000                         | 24.500           | 55.000                       | 1.427.702                                                         | 1.136.875            | 630.000                                      | 87.875                      | 111.782            | 290.827        |  |
| 6                                                    | Yên Bái                                       | 1.695.627                              | 758.440     | 439.440                                                          | 300.000                         | 19.000           |                              | 937.187                                                           | 715.240              | 436.700                                      | 41.540                      | 60.425             | 221.947        |  |
| 7                                                    | Thái Nguyên                                   | 3.498.225                              | 2.186.040   | 754.040                                                          | 1.300.000                       | 12.000           | 120.000                      | 1.312.185                                                         | 1.066.580            | 605.000                                      | 212.580                     | 32.389             | 245.605        |  |
| 8                                                    | Bắc Kạn                                       | 1.341.446                              | 487.390     | 400.290                                                          | 55.000                          | 15.000           | 17.100                       | 854.056                                                           | 692.200              | 488.000                                      | 32.200                      | 44.741             | 161.856        |  |
| 9                                                    | Phú Thọ                                       | 2.519.132                              | 1.200.450   | 578.450                                                          | 600.000                         | 22.000           |                              | 1.318.682                                                         | 1.094.163            | 429.040                                      | 232.123                     | 32.000             | 224.519        |  |
| 10                                                   | Bắc Giang                                     | 3.329.795                              | 1.646.480   | 621.480                                                          | 1.000.000                       | 25.000           |                              | 1.683.315                                                         | 1.171.773            | 877.000                                      | 67.773                      | 24.809             | 511.542        |  |
| 11                                                   | Hòa Bình                                      | 2.262.771                              | 787.390     | 577.390                                                          | 200.000                         | 10.000           |                              | 1.475.381                                                         | 988.881              | 565.500                                      | 144.381                     | 36.754             | 486.500        |  |

| STT | Bộ, ngành/địa phương | Tổng kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 | Cần đối ngân sách địa phương |                                                                  |                                 |                  |                              |                |                                                                    |           |  |  | Trong đó: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----|----------------------|----------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------|------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------|-----------|--|--|-----------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|     |                      |                                        | Tổng số                      | Trong đó:                                                        |                                 |                  |                              |                | Tổng số kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCTP) giao năm 2018 | Trong đó: |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     |                      |                                        |                              | Cần đối ngân sách địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức | Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất | Xổ số kiến thiết | Bội chi ngân sách địa phương | Vốn trong nước |                                                                    |           |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     |                      |                                        |                              |                                                                  |                                 |                  |                              | Trong đó:      |                                                                    |           |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     |                      |                                        |                              |                                                                  |                                 |                  |                              |                |                                                                    |           |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

| STT | BỘ, ngành/địa phương  | Tổng kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 | Cân đối ngân sách địa phương |                                                                  |                                 |                  |                              | Kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCP) năm 2018              |                      |                                              |                             |                    |           |
|-----|-----------------------|----------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------|-----------------------------|--------------------|-----------|
|     |                       |                                        | Tổng số                      | Trong đó:                                                        |                                 |                  |                              | Tổng số kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCP) giao năm 2018 | Trong đó:            |                                              |                             |                    |           |
|     |                       |                                        |                              | Cân đối ngân sách địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức | Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất | Xổ số kiến thiết | Bội chi ngân sách địa phương |                                                                   | Vốn trong nước       |                                              |                             | Thanh toán nợ XDCB |           |
|     |                       |                                        |                              |                                                                  |                                 |                  |                              |                                                                   | Trái phiếu Chính phủ | Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng | Thu hồi các khoản ứng trước |                    |           |
| 31  | Thừa Thiên Huế        | 2.939.172                              | 1.225.420                    | 475.420                                                          | 650.000                         | 69.000           | 31.000                       | 1.713.752                                                         | 788.934              | 406.200                                      | 89.734                      | 7.400              | 924.818   |
| 32  | Thành phố Đà Nẵng     | 8.054.193                              | 6.074.960                    | 2.623.760                                                        | 2.500.000                       | 170.000          | 781.200                      | 1.979.233                                                         | 592.152              | 175.000                                      | 79.152                      | 83.008             | 1.387.081 |
| 33  | Quảng Nam             | 3.184.337                              | 1.722.160                    | 869.860                                                          | 700.000                         | 76.000           | 76.300                       | 1.462.177                                                         | 972.378              |                                              | 450.378                     | 96.000             | 489.799   |
| 34  | Quảng Ngãi            | 3.933.974                              | 2.707.450                    | 1.932.450                                                        | 550.000                         | 70.000           | 155.000                      | 1.226.524                                                         | 996.224              | 550.000                                      | 128.224                     | 63.300             | 230.300   |
| 35  | Bình Định             | 3.418.630                              | 1.928.040                    | 571.540                                                          | 1.200.000                       | 110.000          | 46.500                       | 1.490.590                                                         | 720.656              | 352.000                                      | 73.656                      | 67.400             | 769.934   |
| 36  | Phù Yên               | 1.261.077                              | 810.310                      | 398.310                                                          | 300.000                         | 80.000           | 32.000                       | 450.767                                                           | 435.525              | 67.874                                       | 93.651                      | 67.837             | 15.242    |
| 37  | Khánh Hòa             | 4.066.544                              | 3.721.720                    | 2.139.720                                                        | 1.200.000                       | 220.000          | 162.000                      | 344.824                                                           | 236.944              |                                              | 14.944                      | 23.323             | 107.880   |
| 38  | Ninh Thuận            | 1.697.278                              | 465.380                      | 297.380                                                          | 100.000                         | 68.000           |                              | 1.231.898                                                         | 978.565              | 640.000                                      | 21.565                      | 1.000              | 253.333   |
| 39  | Bình Thuận            | 2.900.684                              | 1.948.180                    | 488.180                                                          | 700.000                         | 720.000          | 40.000                       | 952.504                                                           | 823.752              | 515.000                                      | 22.752                      | 150.502            | 128.752   |
|     | Tây Nguyên            | 12.643.174                             | 5.719.030                    | 3.174.030                                                        | 1.510.000                       | 990.000          | 45.000                       | 6.924.144                                                         | 4.649.704            | 2.417.085                                    | 109.619                     | 379.697            | 2.274.440 |
| 40  | Đắk Lắk               | 3.469.878                              | 1.557.910                    | 882.910                                                          | 500.000                         | 130.000          | 45.000                       | 1.911.968                                                         | 1.011.968            | 679.040                                      | 17.928                      | 61.650             | 900.000   |
| 41  | Đắk Nông              | 1.964.806                              | 553.670                      | 384.670                                                          | 150.000                         | 19.000           |                              | 1.411.136                                                         | 984.968              |                                              | 27.968                      |                    | 426.168   |
| 42  | Gia Lai               | 2.556.432                              | 1.212.720                    | 847.720                                                          | 250.000                         | 115.000          |                              | 1.343.712                                                         | 918.550              | 594.000                                      | 35.550                      | 77.547             | 423.162   |
| 43  | Kon Tum               | 1.933.408                              | 670.920                      | 494.920                                                          | 110.000                         | 66.000           |                              | 1.262.488                                                         | 904.378              | 597.645                                      | 26.733                      | 123.273            | 358.110   |
| 44  | Lâm Đồng              | 2.718.650                              | 1.723.810                    | 563.810                                                          | 500.000                         | 660.000          |                              | 994.840                                                           | 829.840              | 546.400                                      | 1.440                       | 117.227            | 165.000   |
|     | Đông Nam Bộ           | 70.348.841                             | 63.716.260                   | 30.042.060                                                       | 19.200.000                      | 8.862.000        | 5.612.200                    | 6.632.581                                                         | 2.389.439            | 904.190                                      | 142.610                     | 348.390            | 4.243.142 |
| 45  | Thành phố Hồ Chí Minh | 41.537.293                             | 37.830.270                   | 15.445.670                                                       | 14.500.000                      | 3.000.000        | 4.884.600                    | 3.707.023                                                         | 843.023              |                                              | 38.384                      | 285.817            | 2.864.000 |
| 46  | Đồng Nai              | 7.325.252                              | 7.246.060                    | 3.993.860                                                        | 1.500.000                       | 1.454.000        | 298.200                      | 79.192                                                            | 79.192               |                                              | 26.192                      |                    |           |
| 47  | Bình Dương            | 8.775.218                              | 7.796.640                    | 4.667.240                                                        | 1.800.000                       | 1.290.000        | 39.400                       | 978.578                                                           | 46.984               |                                              | 5.984                       |                    | 931.594   |
| 48  | Bình Phước            | 2.137.369                              | 1.570.290                    | 492.290                                                          | 600.000                         | 438.000          | 40.000                       | 567.079                                                           | 549.790              | 304.000                                      | 11.790                      | 24.000             | 17.289    |
| 49  | Tây Ninh              | 3.197.423                              | 2.197.090                    | 547.090                                                          | 200.000                         | 1.450.000        |                              | 1.000.333                                                         | 570.074              | 418.550                                      | 25.524                      | 18.556             | 430.259   |
| 50  | Bà Rịa Vũng Tàu       | 7.376.286                              | 7.075.910                    | 4.895.910                                                        | 600.000                         | 1.230.000        | 350.000                      | 300.376                                                           | 300.376              | 181.640                                      | 34.736                      | 20.017             |           |

| Trong đó:                    |                         |                                        |            |                                                                  |                                 |                  |                                                                   |            |                              |                                                      |                      |                |                                              |                             |                    |
|------------------------------|-------------------------|----------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------|----------------|----------------------------------------------|-----------------------------|--------------------|
| Cân đối ngân sách địa phương |                         |                                        |            |                                                                  |                                 |                  |                                                                   |            |                              | Kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCT) năm 2018 |                      |                |                                              |                             |                    |
| STT                          | Bộ, ngành/địa phương    | Tổng kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 | Tổng số    | Trong đó:                                                        |                                 |                  | Tổng số kế hoạch đầu tư vốn NSTW (bao gồm vốn TPCT) giao năm 2018 | Tổng số    | Vốn trong nước               |                                                      |                      | Vốn nước ngoài |                                              |                             |                    |
|                              |                         |                                        |            | Cân đối ngân sách địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức | Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất | Xổ số kiến thiết |                                                                   |            | Bội chi ngân sách địa phương | Trong đó:                                            |                      |                |                                              |                             |                    |
|                              |                         |                                        |            |                                                                  |                                 |                  |                                                                   |            |                              |                                                      | Trái phiếu Chính phủ |                | Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB |
|                              |                         |                                        |            |                                                                  |                                 |                  |                                                                   |            |                              |                                                      |                      |                |                                              |                             |                    |
|                              | Đồng bằng sông Cửu Long | 46.234.700                             | 29.352.550 | 9.904.150                                                        | 3.840.000                       | 14.593.000       | 1.015.400                                                         | 16.882.150 | 13.288.694                   | 7.295.647                                            | 1.625.047            | 648.104        | 20.363                                       | 3.593.456                   |                    |
| 51                           | Long An                 | 3.633.501                              | 2.993.620  | 1.013.620                                                        | 690.000                         | 1.200.000        | 90.000                                                            | 639.881    | 605.170                      | 300.000                                              | 37.170               | 16.600         |                                              | 34.711                      |                    |
| 52                           | Tiền Giang              | 2.774.535                              | 2.278.960  | 588.960                                                          | 250.000                         | 1.440.000        |                                                                   | 495.575    | 399.924                      | 16.000                                               | 111.924              | 20.500         |                                              | 95.651                      |                    |
| 53                           | Bến Tre                 | 2.988.961                              | 1.684.880  | 399.680                                                          | 80.000                          | 1.200.000        | 5.200                                                             | 1.304.081  | 1.187.164                    | 770.000                                              | 94.164               | 85.388         | 16.686                                       | 116.917                     |                    |
| 54                           | Trà Vinh                | 2.946.548                              | 1.589.730  | 624.730                                                          | 115.000                         | 850.000          |                                                                   | 1.356.818  | 1.197.140                    | 500.000                                              | 347.140              | 52.994         |                                              | 159.678                     |                    |
| 55                           | Vĩnh Long               | 2.754.641                              | 2.098.010  | 503.010                                                          | 200.000                         | 1.395.000        |                                                                   | 656.631    | 642.824                      | 355.000                                              | 49.824               | 26.375         |                                              | 13.807                      |                    |
| 56                           | Thành phố Cần Thơ       | 5.918.350                              | 3.897.200  | 1.464.800                                                        | 330.000                         | 1.260.000        | 842.400                                                           | 2.021.150  | 1.166.341                    | 845.437                                              | 7.904                | 92.030         |                                              | 854.809                     |                    |
| 57                           | Hậu Giang               | 2.316.113                              | 1.340.280  | 475.280                                                          | 200.000                         | 665.000          |                                                                   | 975.833    | 975.833                      | 515.000                                              | 119.833              | 42.450         |                                              |                             |                    |
| 58                           | Sóc Trăng               | 3.028.303                              | 1.697.640  | 774.840                                                          | 70.000                          | 826.000          | 26.800                                                            | 1.330.663  | 1.009.630                    | 560.910                                              | 173.720              | 51.799         |                                              | 321.033                     |                    |
| 59                           | An Giang                | 4.303.747                              | 2.750.880  | 1.133.880                                                        | 250.000                         | 1.367.000        |                                                                   | 1.552.867  | 1.029.842                    | 670.300                                              | 62.542               | 11.752         |                                              | 523.025                     |                    |
| 60                           | Đồng Tháp               | 4.042.427                              | 2.538.780  | 818.780                                                          | 450.000                         | 1.270.000        |                                                                   | 1.503.647  | 933.356                      | 624.500                                              | 71.856               | 45.752         |                                              | 570.291                     |                    |
| 61                           | Kiên Giang              | 5.517.293                              | 3.230.230  | 1.040.230                                                        | 1.000.000                       | 1.190.000        |                                                                   | 2.287.063  | 2.043.838                    | 1.055.000                                            | 199.838              | 79.342         | 3.677                                        | 243.225                     |                    |
| 62                           | Bạc Liêu                | 2.878.534                              | 1.595.550  | 440.550                                                          | 55.000                          | 1.100.000        |                                                                   | 1.282.984  | 1.095.468                    | 651.500                                              | 179.968              | 60.000         |                                              | 187.516                     |                    |
| 63                           | Cà Mau                  | 3.131.747                              | 1.656.790  | 625.790                                                          | 150.000                         | 830.000          | 51.000                                                            | 1.474.957  | 1.002.164                    | 432.000                                              | 169.164              | 63.122         |                                              | 472.793                     |                    |